

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **219/2025/DS-ST**

Ngày: 26/5/2025

V/ v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO -TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Đoàn Thanh Phong**.

2/ Ông **Trần Văn Bé Ba**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Võ Hồng Linh** – KSV.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2024/TLST-DS ngày 14/10/2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐXX-ST ngày 17/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2025/QĐST-DS ngày 08/5/2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ngân hàng **TMCP L1**.

Địa chỉ: B T, phường T, Quận H, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ Nam T**- Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn C** – Giám đốc chi nhánh T3 (Theo quyết định số 22060/2024/QĐ-LPBank.PC.QLRR ngày 25/7/2024).

Ủy quyền cho: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1991 – Chuyên viên khách hàng (Giấy ủy quyền ngày 08/10/2024) (có mặt).

Địa chỉ: Ô khu B thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn**: Ông **Trần Văn T1**, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, Tiền Giang.

Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện, B khai và tại các biên bản hòa giải, đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP L1 trình bày:**

1. Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N đã ký hợp đồng tín dụng số HDTD59D202231 ngày 17/03/2022 với Ngân hàng TMCP L1 - Chi nhánh T3 – T3. Hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây:

Số tiền vay: 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng).

Mục đích vay: T2 toán/Hoàn tiền mua xe ô tô mục đích phục vụ đi lại.

Thời hạn vay: 72 tháng. (từ ngày 18/03/2024 đến hết ngày 17/03/2028)

Lãi suất : Được ghi trên Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay theo quy định của ngân hàng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. (Lãi suất này được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo quy định của ngân hàng).

Hình thức thanh toán:

- Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả trong 72 kỳ (mỗi kỳ tương ứng 01 tháng), số tiền gốc phải trả đều mỗi kỳ từ kỳ 1 đến kỳ 71 là 5.555.000đồng, số tiền gốc phải trả kỳ 72(kỳ cuối) là 5.595.000 đồng

- Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả hàng tháng, lãi trả vào ngày 15 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

* Hạn mức thẻ tín dụng: 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng).

Mục đích vay: Tiêu dùng mua sắm

Thời hạn vay: 36 tháng. (từ ngày 10/05/2022 đến hết ngày 09/05/2025)

Lãi suất: theo quy định của ngân hàng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật

Hình thức thanh toán: Hàng tháng tối thiểu 5%

Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N đã ký nhận nợ tại Ngân Hàng TMCP L1 - Chi nhánh T3 với tổng số tiền là: 440.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

→ Tổng nợ tạm tính đến ngày 16/4/2025 như sau:

- Số tiền vốn gốc: 333.289898đồng

- Số tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) tạm tính: 89.947.314 đồng; lãi gốc quá hạn 21.885.748 đồng, lãi phạt vi phạm là 6.075.595 đồng. Tổng cộng là 451.198.555 đồng.

* Số tiền gốc của thẻ tín dụng: 40.000.000 đồng. Lãi được tạm tính đến ngày 21/3/2025 trong hạn 24.854.794 đồng, lãi quá hạn gốc 1.971.079 đồng, lãi phạt vi phạm là 551.577 đồng. Tổng vốn lãi là 67.377.450.000 đồng.

Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô như sau: Tài sản Xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA thuộc quyền sở hữu của Bên thế chấp theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 63 007403 do Phòng C1 – Công an Tỉnh T cấp ngày 02/03/2022. Biển kiểm soát 63A-116.19. Chủ sở hữu/sử dụng: Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N

Hợp đồng thế chấp HDTC59D202214 ngày 17/03/2022 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có) (Đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại TP Hồ Chí Minh ngày 17/03/2022) đảm bảo cho nghĩa vụ đối với khoản vay theo hợp đồng số HDTD59D202231 ngày 17/03/2022.

Trong thời gian vay, Đối với hợp đồng tín dụng số HDTD59D202231 ngày 17/03/2022, khế ước số 59D202231/01 ký ngày 17/03/2022: Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N chưa thanh toán kỳ gốc và lãi vào kỳ thanh toán ngày 15/03/2023 đến nay.

Tổng số tiền gốc khách hàng đã thanh toán là 66.710.102 đồng. Và kể từ kỳ trả nợ nêu trên, Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N đã không thanh toán nợ các kỳ tiếp theo cho Ngân hàng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp các hợp đồng vay nói trên như sau:

Buộc Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N phải thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc, lãi vay, và chấm dứt Hợp đồng tín dụng số HDTD59D202231 ngày 17/03/2022 giữa Ngân hàng TMCP L1 - Chi nhánh T3 với Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N theo đúng nội dung hợp đồng đã ký là 451.198.555 đồng (tạm tính đến ngày 16/4/2025).

Buộc anh Trần Văn T1 phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc lãi theo hợp đồng thẻ tín dụng là 67.377.450 đồng (tạm tính đến ngày 21/3/2025).

- Phần lãi phát sinh sau ngày tạm tính sẽ được tính theo lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn và được tính cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ cho ngân hàng (nội dung này làm rõ công thức tính lãi vay tạm tính đến ngày 16/4/2025).

Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp là xe ô tô thuộc sở hữu Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N để thanh lý các khoản vay, bao gồm: Tài sản: Xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA thuộc quyền sở hữu của Bên thế chấp theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 63 007403 do Phòng C1 – Công an Tỉnh T cấp ngày 02/03/2022. Biển kiểm soát 63A-116.19. Chủ sở hữu/sử dụng: Ông Trần Văn T1. Thanh toán một lần ngay sau khi Quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:** Bà và ông T1 là vợ chồng nhưng đã sống ly thân từ năm 2020. Tuy nhiên năm 2022 ông T1 yêu cầu cùng đi vay Ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng và thế chấp chiếc xe ô tô của ông. Do suy nghĩ vay tiền nhưng thế chấp là tài sản của ông T1 nên bà đồng ý ký tên.

Đối với khoản vay thẻ tín dụng 40.000.000 đồng thì bà hoàn toàn không biết, không có ký tên nên bà không đồng ý trả khoản nợ thẻ tín dụng này.

Nay đối với khoản nợ tín dụng 451.198.555 đồng (tạm tính đến ngày 16/4/2025) thì bà chịu trách nhiệm $\frac{1}{2}$ là 225.599.277 đồng vì hiện nay bà đã ly hôn với ông T1, được Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo ban hành Bản án số 12/2025/HNGĐ-ST ngày 06/01/2025. Hiện bà và ông T1 không còn chung sống và không biết chiếc xe ô tô như thế nào do ông T1 là người quản lý xe.

Tại phiên toà, đại diện ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị N. Đối với khoản vay Theo hợp đồng tín dụng thì tính đến ngày 26/5/2025 thì dư nợ gốc 333.289.898 đồng, nợ lãi 153.929.753 đồng, tổng cộng là 487.219.651 đồng thì yêu cầu ông T1, bà N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng.

Đối với hợp đồng HDTD59D202231 là thẻ tín dụng chốt đến ngày 21/5/2025 với số nợ gốc là 34.295.000 đồng, nợ lãi 35.510.724 đồng, tổng cộng là 69.805.724 đồng. Khoản nợ này Ngân hàng yêu cầu ông Trần Văn T1 thanh toán; không yêu cầu bà N cùng liên đới trả nợ.

Yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp HDTC59D202214 ngày 17/03/2022 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có) (Đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại TP Hồ Chí Minh ngày 17/03/2022).

Ông Trần Văn T1 và Bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho khoản vay, kể từ ngày 26/5/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu:**

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng TMCP L1 và lời trình bày của các đương sự thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời trình bày của bị đơn chị N thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản tuy nhiên do vợ chồng ông T1, bà N đã ly hôn nên bà N chịu ½ nghĩa vụ đối với hợp đồng tín dụng và lãi suất theo hợp đồng. Riêng đối với Hợp đồng cấp thẻ tín dụng do Ngân hàng không yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp” thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định. Quá trình tố tụng, đại diện ủy quyền Ngân hàng có mặt, bà N có đơn xin vắng mặt; ông T1 vắng mặt không rõ lý do, do đó Toà án căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số HDTD59D202231 ngày 17/03/2022 với Ngân hàng TMCP L1 - Chi nhánh T3 – T3. Hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây:

Số tiền vay: 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng).

Mục đích vay: T2 toán/Hoàn tiền mua xe ô tô mục đích phục vụ đi lại.

Thời hạn vay: 72 tháng (từ ngày 18/03/2022 đến hết ngày 17/03/2028)

Lãi suất: Được ghi trên Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay theo quy định của ngân hàng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. (Lãi suất này được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo quy định của ngân hàng)

Hình thức thanh toán: Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả trong 72 kỳ (mỗi kỳ tương ứng 01 tháng), số tiền gốc phải trả đều mỗi kỳ từ kỳ 1 đến kỳ 71 là 5.555.000đồng, số tiền gốc phải trả kỳ 72 (kỳ cuối) là 5.595.000 đồng.

• Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả hàng tháng, lãi trả vào ngày 15 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

* Hạn mức thẻ tín dụng: 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng).

Mục đích vay: Tiêu dùng mua sắm

Thời hạn vay: 36 tháng (từ ngày 10/05/2022 đến hết ngày 09/05/2025)

Lãi suất: theo quy định của ngân hàng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật

Hình thức thanh toán: Hàng tháng tối thiểu 5%.

Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N đã ký nhận nợ tại Ngân Hàng TMCP L1 - Chi nhánh T3 với tổng số tiền là: 440.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng vay: Tổng nợ tạm tính đến ngày 26/5/2025 như sau:

- Số tiền vốn gốc: 333.289.898 đồng
- Số tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) tạm tính: 105.707.729 đồng; lãi gốc quá hạn 48.212.024 đồng, Tổng cộng là 487.219.651 đồng.

* Số tiền gốc của thẻ tín dụng: 40.000.000 đồng. Lãi được tạm tính đến ngày 21/5/2025 trong hạn 34.295.00 đồng, nợ lãi 35.510.724 đồng. Tổng vốn lãi là 69.805.724 đồng.

Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô như sau: Tài sản xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA thuộc quyền sở hữu của Bên thế chấp theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 63 007403 do Phòng C1 – Công an Tỉnh T cấp ngày 02/03/2022. Biển kiểm soát 63A-116.19. Chủ sở hữu/sử dụng: Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N theo Hợp đồng thế chấp HDTC59D202214 ngày 17/03/2022 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có) (Đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại TP Hồ Chí Minh ngày 17/03/2022).

Trong thời gian thực hiện trả tiền vay thì ông T1, bà N không thực hiện đúng hợp đồng đã giao kết nên thành nợ quá hạn. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản nợ vay thẻ tín dụng: Hợp đồng HDTD59D202231 là thẻ tín dụng do anh Trần Văn T1 ký kết, không có chữ ký của bà N và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng chỉ yêu cầu ông T1 phải trả số tiền này, yêu cầu này là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử cần buộc anh Trần Văn T1 phải trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 21/5/2025 với số nợ gốc là 34.295.000 đồng, nợ lãi 35.510.724 đồng, tổng cộng là 69.805.724 đồng (Sáu mươi chín triệu tám trăm lẻ năm ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

[4] Đối với tài sản thế chấp:

Xét thấy tài sản thế chấp, bảo đảm cho khoản vay là Xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA thuộc quyền sở hữu của Bên thế chấp theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 63 007403 do Phòng C1 – Công an Tỉnh T cấp ngày 02/03/2022. Biển kiểm soát 63A-116.19. được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp HDTC59D202214 ngày 17/03/2022 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có) (Đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại TP Hồ Chí Minh ngày 17/03/2022). Hợp đồng thế chấp này được các bên thực hiện đúng thủ tục về nội dung và hình thức và nguyên tắc đăng ký thế chấp. Do đó Hợp đồng thế chấp này có hiệu lực pháp luật.

Vì vậy trong trường hợp đến thời hạn trả nợ mà ông T1 và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp.

Trường hợp đến thời hạn trả nợ mà ông T1 và bà N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng phải trả lại cho người thế chấp các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp.

Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp là xe ô tô thuộc sở hữu Ông Trần Văn T1 - Bà Nguyễn Thị N để thanh lý các khoản vay, bao gồm: Tài sản: Xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA thuộc quyền sở hữu của Bên thế chấp theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 63 007403 do Phòng C1 – Công an Tỉnh T cấp ngày 02/03/2022. Biển kiểm soát 63A-116.19.

Ông Trần Văn T1 và Bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay, kể từ ngày 26/5/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

[5] Đối với lời trình bày của bà Nguyễn Thị N bà thừa nhận bà và ông Trần Văn T1 có vay tiền của Ngân hàng, nhưng hiện nay giữa bà và ông T1 đã ly hôn. Bà đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền 487.219.651 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào Bản án số 12/2025/HNGĐ ngày 06/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, Tiền Giang thì ông T1, bà N đã ly hôn và N đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền theo Hợp đồng tín dụng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, Bà Nguyễn Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng $\frac{1}{2}$ số tiền 487.219.651 đồng là 243.609.825 đồng; ông Trần Văn T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền cho Ngân hàng $\frac{1}{2}$ số tiền 243.609.825 đồng.

Đối với khoản vay tín dụng bà trình bày không biết, không có ký tên vay số tiền 40.000.000 đồng. Do đó bà không đồng ý trả. Lời trình bày của bà có cơ sở và Ngân hàng TMCP L1 khởi kiện yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vốn lãi của thẻ tín dụng Hợp đồng HDTD59D202231, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Nhận định ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1.

1. Buộc ông Trần Văn T1 trả cho Ngân hàng TMCP L1 $\frac{1}{2}$ số tiền vốn gốc, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng HDTD59D202231 tạm tính đến hết ngày 26/5/2025 là: 243.609.825 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm lẻ chín ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng)

2. Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng TMCP L1 $\frac{1}{2}$ số tiền vốn gốc, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng HDTD59D202231 tạm tính đến hết ngày 26/5/2025 là: 243.609.825 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm lẻ chín ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng).

3. Buộc ông Trần Văn T1 trả cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng HDTD59D202231 tạm tính đến ngày 21/5/2025 là 69.805.724 đồng (sáu mươi chín triệu tám trăm lẻ năm ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

Ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp đến thời hạn trả nợ mà ông T1, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp HDTC59D202214 ngày 17/03/2022 đúng qui định của pháp luật.

Trường hợp đến thời hạn trả nợ mà ông T1 và bà N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng phải trả lại cho người thế chấp các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp HDTC59D202214.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí là 12.180.500 đồng (mười hai triệu một trăm tám mươi ngàn năm trăm đồng).

Ông Trần Văn T1 phải chịu án phí 15.670.777 đồng (mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền 13.517.000 đồng (mười ba triệu năm trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai số 0008020 ngày 10/10/2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C.

Ngân hàng có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà N, ông T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng